

\*

Số 275 -QĐ/ĐU

## QUYẾT ĐỊNH

**công nhận đánh giá chất lượng chi bộ và đảng viên năm 2024**

-----

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ban Chấp hành Trung ương về “Thi hành Điều lệ Đảng”;
- Căn cứ Công văn số 973-CV/ĐUK ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Đại học, Cao đẳng TP. Hồ Chí Minh về tổ chức kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân năm 2024;
- Căn cứ Kế hoạch số 11-KH/ĐU ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh về tổ chức kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong Đảng bộ trường năm 2024;
- Căn cứ vào kết luận tại cuộc họp ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ban chấp hành Đảng bộ trường,

### **BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng chi bộ trực thuộc Đảng bộ trường năm 2024 như sau:

- **05 chi bộ** đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.
- **25 chi bộ** đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.
- **01 chi bộ** đạt mức xếp loại “Hoàn thành nhiệm vụ”.
- **01 chi bộ** Không thực hiện đánh giá xếp loại Chi bộ 32, lý do chưa đủ 06 tháng kể từ ngày kiện toàn, chia tách chi bộ.

(danh sách đính kèm)

**Điều 2:** Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên cho **644** đảng viên trực thuộc Đảng bộ trường năm 2024 như sau:

- **86 đảng viên** đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.
- **525 đảng viên** đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.
- **31 đảng viên** đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ”.
- **02 đảng viên** đạt mức xếp loại chất lượng “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

(danh sách đính kèm)

**Điều 3:** Văn phòng Đảng ủy, các chi bộ trực thuộc và đảng viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- ĐUK: BTV, BTC (để báo cáo)
- Như điều 3,
- Lưu VPĐU.





## DANH SÁCH

Chi bộ đạt mức xếp loại chất lượng

**“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2024**

(Kèm theo quyết định số 275 -QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)

-----

| TT | Chi bộ      | Đơn vị                                   |
|----|-------------|------------------------------------------|
| 1. | 07          | - Phòng Tuyển sinh và Công tác Sinh viên |
| 2. | 08          | - Khoa Điện – Điện tử                    |
| 3. | 10          | - Phòng Kế hoạch Tài chính               |
| 4. | 12          | - Khoa Cơ khí Động lực                   |
| 5. | Sinh viên 6 | - Sinh viên Khoa Kinh tế                 |

*Danh sách gồm 05 chi bộ.*



## DANH SÁCH

**Chi bộ đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2024**  
(Kèm theo quyết định số 275 -QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)

-----

| TT  | Chi bộ    | Đơn vị                                                                                     |
|-----|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chi bộ 02 | - Phòng Quản trị cơ sở vật chất<br>- Trung tâm Dịch vụ                                     |
| 2.  | Chi bộ 03 | - Phòng Tổ chức Hành chính                                                                 |
| 3.  | Chi bộ 04 | - Khoa Cơ khí Chế tạo máy                                                                  |
| 4.  | Chi bộ 05 | - Viện Sư phạm Kỹ thuật                                                                    |
| 5.  | Chi bộ 06 | - Khoa Công nghệ Hóa học và Thực phẩm                                                      |
| 6.  | Chi bộ 09 | - Khoa Chính trị và Luật<br>- Trung tâm Giáo dục Thể chất                                  |
| 7.  | Chi bộ 11 | - Khoa Xây dựng<br>- Khoa In và Truyền thông                                               |
| 8.  | Chi bộ 13 | - Phòng Quan hệ Doanh nghiệp<br>- Phòng Truyền thông                                       |
| 9.  | Chi bộ 14 | - Trung tâm Dạy học số<br>- Trung tâm Thông tin máy tính<br>- Trung tâm Công nghệ Phần mềm |
| 10. | Chi bộ 15 | - Phòng Khoa học Công nghệ<br>- Phòng Đảm bảo Chất lượng                                   |
| 11. | Chi bộ 16 | - Khoa Khoa học Ứng dụng                                                                   |
| 12. | Chi bộ 18 | - Khoa Công nghệ Thông tin                                                                 |
| 13. | Chi bộ 20 | - Khoa Kinh tế                                                                             |
| 14. | Chi bộ 23 | - Khoa Đào tạo Quốc tế                                                                     |



| TT  | Chi bộ      | Đơn vị                                                                                                                                         |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |             | - Phòng Quan hệ Quốc tế                                                                                                                        |
| 15. | Chi bộ 24   | - Khoa Thời trang và Du lịch                                                                                                                   |
| 16. | Chi bộ 26   | - Thư viện<br>- Trạm Y tế                                                                                                                      |
| 17. | Chi bộ 27   | - Phòng Thiết bị vật tư                                                                                                                        |
| 18. | Chi bộ 28   | - Khoa Ngoại ngữ                                                                                                                               |
| 19. | Chi bộ 29   | - Ban Quản lý Ký túc xá                                                                                                                        |
| 20. | Sinh viên 1 | - Sinh viên khoa Cơ khí Chế tạo máy                                                                                                            |
| 21. | Sinh viên 2 | - Sinh viên khoa Công nghệ Hóa học và Thực phẩm                                                                                                |
| 22. | Sinh viên 3 | - Sinh viên khoa Điện – Điện tử                                                                                                                |
| 23. | Sinh viên 4 | - Sinh viên các khoa: Công nghệ Thông tin; Thời trang Du lịch; In và Truyền thông; Khoa học Ứng dụng; Chính trị và luật, Viện Sư phạm Kỹ thuật |
| 24. | Sinh viên 5 | - Sinh viên các khoa: Xây dựng; Cơ khí Động lực                                                                                                |
| 25. | Sinh viên 7 | - Sinh viên các khoa: Ngoại ngữ; Đào tạo Quốc tế                                                                                               |

Danh sách gồm 25 chi bộ./.



## DANH SÁCH

**Chi bộ không thực hiện xếp loại chất lượng  
do mới thành lập chưa đủ 06 tháng**  
(Kèm theo quyết định số 275 -QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)

-----

| TT | Chi bộ | Đơn vị                       |
|----|--------|------------------------------|
| 1  | 32     | - Phòng Thanh tra - Pháp chế |

Danh sách gồm 01 chi bộ./.



## DANH SÁCH

**Đảng viên đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2024**  
(Kèm theo quyết định số 275-QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)

-----

| TT  | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú      |
|-----|--------|-----------------------|--------------|
| 1.  | 1      | Lê Hiếu Giang         | ĐUK xếp loại |
| 2.  | 1      | Nguyễn Thị Kim Cúc    |              |
| 3.  | 1      | Huỳnh Tôn Nghĩa       |              |
| 4.  | 2      | Nguyễn Thành An       |              |
| 5.  | 3      | Nguyễn Thế Bảo        |              |
| 6.  | 3      | Phan Công Đức         |              |
| 7.  | 3      | Đường Minh Hiếu       |              |
| 8.  | 3      | Phạm Thị Hoa          |              |
| 9.  | 3      | Trần Thị Thu Huyền    |              |
| 10. | 4      | Lê Linh               |              |
| 11. | 4      | Phạm Sơn Minh         |              |
| 12. | 4      | Đặng Thiện Ngôn       |              |
| 13. | 4      | Lê Minh Tài           |              |
| 14. | 4      | Đỗ Thành Trung        |              |
| 15. | 5      | Đặng Thị Diệu Hiền    |              |
| 16. | 5      | Phạm Xuân Phát        |              |
| 17. | 5      | Nguyễn Thị Thùy Trang |              |
| 18. | 6      | Tổng Thị Tân          |              |
| 19. | 6      | Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn |              |
| 20. | 7      | Lê Quang Bình         |              |
| 21. | 7      | Đặng Hữu Khanh        |              |
| 22. | 8      | Nguyễn Ngọc Âu        |              |
| 23. | 8      | Đặng Xuân Ba          |              |
| 24. | 8      | Lê Mỹ Hà              |              |



| TT  | Chi bộ      | Họ và tên           | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|---------|
| 25. | 8           | Trần Vũ Hoàng       |         |
| 26. | 8           | Nguyễn Thanh Nghĩa  |         |
| 27. | 8           | Nguyễn Minh Tâm     |         |
| 28. | 8           | Trần Đức Thiện      |         |
| 29. | 9           | Đỗ Thùy Trang       |         |
| 30. | 9           | Trần Phong Vinh     |         |
| 31. | 10          | Hồ Thành Công       |         |
| 32. | 10          | Hoàng Thị Lan Hương |         |
| 33. | 11          | Phạm Tấn Hùng       |         |
| 34. | 11          | Đào Duy Kiên        |         |
| 35. | 11          | Lê Anh Thắng        |         |
| 36. | 12          | Đỗ Quốc Âm          |         |
| 37. | 12          | Lý Vĩnh Đạt         |         |
| 38. | 12          | Nguyễn Trần Phú     |         |
| 39. | 12          | Nguyễn Văn Trọng    |         |
| 40. | 13          | Lê Phan Nhật Hăng   |         |
| 41. | 15          | Châu Ngọc Thìn      |         |
| 42. | 16          | Lê Công Nhân        |         |
| 43. | 16          | Đỗ Hồng Thủy        |         |
| 44. | 18          | Hoàng Văn Dũng      |         |
| 45. | 20          | Chu Thị Huệ         |         |
| 46. | 20          | Trần Kim Toại       |         |
| 47. | 24          | Nguyễn Thị Trúc Đào |         |
| 48. | 26          | Nguyễn Thị Hồng Nhi |         |
| 49. | 26          | Trần Thị Ngọc Ý     |         |
| 50. | 29          | Hồ Anh Kiệt         |         |
| 51. | Sinh viên 1 | Nguyễn Võ Bảo An    |         |

| TT  | Chi bộ      | Họ và tên              | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|---------|
| 52. | Sinh viên 1 | Trần Lê Thiên Ân       |         |
| 53. | Sinh viên 1 | Bùi Chí Hiếu           |         |
| 54. | Sinh viên 1 | Nguyễn Phú Thành       |         |
| 55. | Sinh viên 1 | Phan Thị Kim Thoa      |         |
| 56. | Sinh viên 2 | Đỗ Khánh Đạt           |         |
| 57. | Sinh viên 3 | Phạm Võ Khải Anh       |         |
| 58. | Sinh viên 3 | Nguyễn Mạnh Cường      |         |
| 59. | Sinh viên 3 | Nguyễn Minh Tiến Đạt   |         |
| 60. | Sinh viên 3 | Lê Quốc Đạt            |         |
| 61. | Sinh viên 3 | Nguyễn Thái Hà         |         |
| 62. | Sinh viên 3 | Trần Văn Hiếu          |         |
| 63. | Sinh viên 3 | Lê Tấn Kiên            |         |
| 64. | Sinh viên 3 | Trần Nguyễn Xuân Quỳnh |         |
| 65. | Sinh viên 3 | Lê Thanh Tùng          |         |
| 66. | Sinh viên 4 | Đỗ Chí Hùng            |         |
| 67. | Sinh viên 4 | Võ Ngọc Phương Huyền   |         |
| 68. | Sinh viên 4 | Phạm Ngọc Hữu          |         |
| 69. | Sinh viên 4 | Huỳnh Ngọc Tài         |         |
| 70. | Sinh viên 5 | Lê Lâm Bảo Chấn        |         |
| 71. | Sinh viên 5 | Đặng Thị Kim Ngân      |         |
| 72. | Sinh viên 5 | Trịnh Hoài Ny          |         |
| 73. | Sinh viên 5 | Trần Cao Quốc Tuấn     |         |
| 74. | Sinh viên 5 | Nay Vu                 |         |
| 75. | Sinh viên 6 | Bùi Hồng Ánh           |         |
| 76. | Sinh viên 6 | Thái Thị Ngọc Giàu     |         |
| 77. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Mỹ Linh     |         |
| 78. | Sinh viên 6 | Lê Kim Ngân            |         |

| TT  | Chi bộ      | Họ và tên             | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|---------|
| 79. | Sinh viên 6 | Hồ Bảo Ngọc           |         |
| 80. | Sinh viên 6 | Trương Hồng Nhung     |         |
| 81. | Sinh viên 6 | Hồ Trọng Tài          |         |
| 82. | Sinh viên 6 | Phạm Anh Thư          |         |
| 83. | Sinh viên 6 | Nguyễn Lê Thanh Trúc  |         |
| 84. | Sinh viên 7 | Nguyễn Thị Minh Thư   |         |
| 85. | Sinh viên 7 | Võ Lê Vân Trường      |         |
| 86. | Sinh viên 7 | Nguyễn Thị Hồng Nhung |         |

*Danh sách gồm 86 đảng viên./.*



## DANH SÁCH

**Đảng viên đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2024**  
(Kèm theo quyết định số 275 -QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)

-----

| TT  | Chi bộ | Họ và tên               | Ghi chú      |
|-----|--------|-------------------------|--------------|
| 1.  | 1      | Nguyễn Thị Bích Hồng    |              |
| 2.  | 1      | Nguyễn Thanh Hưng       |              |
| 3.  | 1      | Võ Thị Ngà              |              |
| 4.  | 1      | Nguyễn Thanh Phong      |              |
| 5.  | 1      | Nguyễn Thị Thanh Phượng |              |
| 6.  | 1      | Phạm Thị Thu Sương      |              |
| 7.  | 1      | Lương Ngọc Thảo         |              |
| 8.  | 1      | Châu Thị Trân           |              |
| 9.  | 1      | Nguyễn Thanh Hải        |              |
| 10. | 2      | Huỳnh Đình Giao         |              |
| 11. | 2      | Trần Thị Thu Hiền       |              |
| 12. | 2      | Phương Thế Lâm          |              |
| 13. | 2      | Lê Thị Hải Lý           |              |
| 14. | 2      | Quách Văn Thiêm         |              |
| 15. | 2      | Đặng Thị Thắm           |              |
| 16. | 2      | Thái Lương Thụ          |              |
| 17. | 2      | Phan Thị Thanh Tùng     |              |
| 18. | 3      | Lê Thị Vân Anh          |              |
| 19. | 3      | Phùng Gia Bạo           |              |
| 20. | 3      | Ngô Thị Phương Dân      |              |
| 21. | 3      | Nguyễn Anh Đức          |              |
| 22. | 3      | Hoàng Thị Hằng          |              |
| 23. | 3      | Trương Thị Hiền         | ĐUK xếp loại |
| 24. | 3      | Nguyễn Văn Hiệp         |              |

| TT  | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|---------|
| 25. | 3      | Đậu Hữu Hoạt          |         |
| 26. | 3      | Nguyễn Quốc Khải      |         |
| 27. | 3      | Đinh Thị Khánh Linh   |         |
| 28. | 3      | Hồ Ngọc Minh          |         |
| 29. | 3      | Nguyễn Thị Phương Nam |         |
| 30. | 3      | Đặng Khánh Bảo Ngọc   |         |
| 31. | 3      | Võ Như Thành          |         |
| 32. | 3      | Lê Thị Thu Thảo       |         |
| 33. | 3      | Nguyễn Nam Thắng      |         |
| 34. | 3      | Võ Hoàng Thủy Tiên    |         |
| 35. | 3      | Nguyễn Ngọc Bảo Tịnh  |         |
| 36. | 3      | Ngô Kim Vĩ            |         |
| 37. | 3      | Nguyễn Hoàng Vũ       |         |
| 38. | 3      | Võ Thị Thanh Xuân     |         |
| 39. | 4      | Nguyễn Phan Anh       |         |
| 40. | 4      | Dương Thị Vân Anh     |         |
| 41. | 4      | Hồ Ngọc Bốn           |         |
| 42. | 4      | Trương Thành Công     |         |
| 43. | 4      | Dương Đăng Danh       |         |
| 44. | 4      | Nguyễn Tiến Dũng      |         |
| 45. | 4      | Nguyễn Bá Trương Đài  |         |
| 46. | 4      | Trần Ngọc Đảm         |         |
| 47. | 4      | Tạ Nguyễn Minh Đức    |         |
| 48. | 4      | Đinh Thị Thu Hà       |         |
| 49. | 4      | Nguyễn Lê Đăng Hải    |         |
| 50. | 4      | Trần Ngọc Hào         |         |
| 51. | 4      | Nguyễn Quang Hiến     |         |

| TT  | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|---------|
| 52. | 4      | Nguyễn Hải Hoàn       |         |
| 53. | 4      | Huỳnh Nguyễn Hoàng    |         |
| 54. | 4      | Hoàng Trà Hương       |         |
| 55. | 4      | Hoàng Văn Hường       |         |
| 56. | 4      | Trần Ngọc Hữu         |         |
| 57. | 4      | Hoàng Trung Kiên      |         |
| 58. | 4      | Nguyễn Minh Kỳ        |         |
| 59. | 4      | Đoàn Tất Linh         |         |
| 60. | 4      | Dương Văn Linh        |         |
| 61. | 4      | Nguyễn Nhựt Phi Long  |         |
| 62. | 4      | Nguyễn Văn Mang       |         |
| 63. | 4      | Phạm Thị Hồng Nga     |         |
| 64. | 4      | Hoàng Trọng Nghĩa     |         |
| 65. | 4      | Đào Thanh Phong       |         |
| 66. | 4      | Nguyễn Ngọc Phương    |         |
| 67. | 4      | Nguyễn Xuân Quang     |         |
| 68. | 4      | Võ Minh Tâm           |         |
| 69. | 4      | Phan Minh Thanh       |         |
| 70. | 4      | Hồ Xuân Thành         |         |
| 71. | 4      | Trần Chí Thiên        |         |
| 72. | 4      | Tướng Phước Thọ       |         |
| 73. | 4      | Võ Xuân Tiến          |         |
| 74. | 4      | Trần Văn Trọn         |         |
| 75. | 4      | Nguyễn Phi Trung      |         |
| 76. | 4      | Trương Nguyễn Luân Vũ |         |
| 77. | 5      | Hoàng Anh             |         |
| 78. | 5      | Võ Đình Dương         |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|---------|
| 79.  | 5      | Bùi Văn Hồng          |         |
| 80.  | 5      | Nguyễn Minh Khánh     |         |
| 81.  | 5      | Nguyễn Như Khương     |         |
| 82.  | 5      | Võ Thị Ngọc Lan       |         |
| 83.  | 5      | Phan Long             |         |
| 84.  | 5      | Nguyễn Văn Lương      |         |
| 85.  | 5      | Nguyễn Ngọc Phương    |         |
| 86.  | 5      | Trần Văn Sỹ           |         |
| 87.  | 5      | Đặng Văn Thành        |         |
| 88.  | 5      | Phan Kim Thành        |         |
| 89.  | 5      | Võ Thanh Thùy         |         |
| 90.  | 5      | Nguyễn Văn Tuấn       |         |
| 91.  | 6      | Phạm Văn Doanh        |         |
| 92.  | 6      | Nguyễn Đặng Mỹ Duyên  |         |
| 93.  | 6      | Hoàng Minh Hảo        |         |
| 94.  | 6      | Phạm Thị Hoàn         |         |
| 95.  | 6      | Nguyễn Mỹ Linh        |         |
| 96.  | 6      | Nguyễn Tiến Lực       |         |
| 97.  | 6      | Hoàng Thị Tuyết Nhung |         |
| 98.  | 6      | Trịnh Khánh Sơn       |         |
| 99.  | 7      | Phan Nguyễn Duy An    |         |
| 100. | 7      | Lê Thanh Hữu          |         |
| 101. | 7      | Trương Thị Kim Ngân   |         |
| 102. | 7      | Phạm Thị Như Quỳnh    |         |
| 103. | 7      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |         |
| 104. | 7      | Lê Xuân Thân          |         |
| 105. | 7      | Lê Phạm Việt Anh Thư  |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên               | Ghi chú |
|------|--------|-------------------------|---------|
| 106. | 7      | Trần Thanh Thương       |         |
| 107. | 7      | Lê Việt Tiên            |         |
| 108. | 7      | Nguyễn Đoàn Xuân Trường |         |
| 109. | 7      | Nguyễn Hữu Tùng         |         |
| 110. | 7      | Võ Viết Cường           |         |
| 111. | 8      | Trương Việt Anh         |         |
| 112. | 8      | Trương Ngọc Anh         |         |
| 113. | 8      | Trịnh Hoài Ân           |         |
| 114. | 8      | Nguyễn Nhân Bôn         |         |
| 115. | 8      | Lâm Quang Chuyên        |         |
| 116. | 8      | Võ Đức Dũng             |         |
| 117. | 8      | Nguyễn Thanh Dũng       |         |
| 118. | 8      | Bùi Thị Tuyết Đan       |         |
| 119. | 8      | Nguyễn Tấn Đời          |         |
| 120. | 8      | Nguyễn Tử Đức           |         |
| 121. | 8      | Trần Thu Hà             |         |
| 122. | 8      | Trương Văn Hiền         |         |
| 123. | 8      | Huỳnh Thị Thu Hiền      |         |
| 124. | 8      | Đậu Trọng Hiền          |         |
| 125. | 8      | Phù Thị Ngọc Hiếu       |         |
| 126. | 8      | Phạm Xuân Hổ            |         |
| 127. | 8      | Võ Minh Huân            |         |
| 128. | 8      | Nguyễn Ngọc Hùng        |         |
| 129. | 8      | Phạm Hồng Liên          |         |
| 130. | 8      | Thái Hoàng Linh         |         |
| 131. | 8      | Trần Đức Lợi            |         |
| 132. | 8      | Nguyễn Thị Lương        |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|---------|
| 133. | 8      | Lê Hoàng Minh         |         |
| 134. | 8      | Trần Thị Quỳnh Như    |         |
| 135. | 8      | Bùi Thuận Ninh        |         |
| 136. | 8      | Nguyễn Đình Phú       |         |
| 137. | 8      | Đào Văn Phượng        |         |
| 138. | 8      | Nguyễn Phương Quang   |         |
| 139. | 8      | Nguyễn Thị Mi Sa      |         |
| 140. | 8      | Phạm Ngọc Sơn         |         |
| 141. | 8      | Lê Minh Thành         |         |
| 142. | 8      | Lê Công Thành         |         |
| 143. | 8      | Nguyễn Duy Thảo       |         |
| 144. | 8      | Ngô Văn Thuyên        |         |
| 145. | 8      | Huỳnh Thị Ngọc Thương |         |
| 146. | 8      | Đặng Phước Hải Trang  |         |
| 147. | 8      | Hoàng Ngọc Văn        |         |
| 148. | 8      | Ngô Bá Việt           |         |
| 149. | 9      | Phùng Thế Anh         |         |
| 150. | 9      | Nguyễn Đình Cả        |         |
| 151. | 9      | Trương Thị Mỹ Châu    |         |
| 152. | 9      | Trần Ngọc Chung       |         |
| 153. | 9      | Lê Quang Chung        |         |
| 154. | 9      | Phạm Đức Hậu          |         |
| 155. | 9      | Đoàn Đức Hiếu         |         |
| 156. | 9      | Võ Thị Mỹ Hương       |         |
| 157. | 9      | Đỗ Thị Ngọc Lệ        |         |
| 158. | 9      | Đỗ Hoàng Long         |         |
| 159. | 9      | Nguyễn Thị Tuyết Nga  |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|---------|
| 160. | 9      | Đinh Huy Nhân         |         |
| 161. | 9      | Trần Thị Phương       |         |
| 162. | 9      | Nguyễn Thị Phụng      |         |
| 163. | 9      | Nguyễn Văn Quận       |         |
| 164. | 9      | Nguyễn Thị Quyết      |         |
| 165. | 9      | Thái Ngọc Tăng        |         |
| 166. | 9      | Nguyễn Đức Thành      |         |
| 167. | 9      | Nguyễn Thị Như Thúy   |         |
| 168. | 9      | Đặng Thị Minh Tuấn    |         |
| 169. | 9      | Trần Văn Tuyên        |         |
| 170. | 10     | Bùi Thị Thu Ba        |         |
| 171. | 10     | Đặng Hoàng Kim Lên    |         |
| 172. | 10     | Nguyễn Thị Thanh Sang |         |
| 173. | 10     | Trần Thị Thanh        |         |
| 174. | 10     | Cao Thị Thanh Thảo    |         |
| 175. | 10     | Thái Thị Thùy Trang   |         |
| 176. | 10     | Trần Thị Ngọc Trâm    |         |
| 177. | 11     | Nguyễn Thế Anh        |         |
| 178. | 11     | Nguyễn Minh Đức       |         |
| 179. | 11     | Trần Thanh Hà         |         |
| 180. | 11     | Nguyễn Thị Thúy Hằng  |         |
| 181. | 11     | Nguyễn Văn Hậu        |         |
| 182. | 11     | Phan Đức Hùng         |         |
| 183. | 11     | Phan Đức Huynh        |         |
| 184. | 11     | Hà Duy Khánh          |         |
| 185. | 11     | Lê Trung Kiên         |         |
| 186. | 11     | Lê Thanh Phong        |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|---------|
| 187. | 11     | Đỗ Xuân Sơn           |         |
| 188. | 11     | Trần Văn Thiên        |         |
| 189. | 11     | Phạm Đức Thiện        |         |
| 190. | 11     | Lê Đình Thục          |         |
| 191. | 11     | Châu Đình Thành       |         |
| 192. | 12     | Nguyễn Ngọc Bích      |         |
| 193. | 12     | Nguyễn Mạnh Cường     |         |
| 194. | 12     | Lê Kim Dưỡng          |         |
| 195. | 12     | Vũ Đình Huấn          |         |
| 196. | 12     | Đoàn Minh Hùng        |         |
| 197. | 12     | Nguyễn Kim            |         |
| 198. | 12     | Phùng Thị Phương Loan |         |
| 199. | 12     | Nguyễn Tấn Lộc        |         |
| 200. | 12     | Lại Hoài Nam          |         |
| 201. | 12     | Đinh Thành Ngân       |         |
| 202. | 12     | Lê Minh Nhựt          |         |
| 203. | 12     | Thái Huy Phát         |         |
| 204. | 12     | Lê Thanh Phúc         |         |
| 205. | 12     | Nguyễn Lê Hồng Sơn    |         |
| 206. | 12     | Nguyễn Văn Toàn       |         |
| 207. | 12     | Nguyễn Văn Trung      |         |
| 208. | 12     | Huỳnh Quốc Việt       |         |
| 209. | 13     | Phan Đoàn Tiến Bình   |         |
| 210. | 13     | Nguyễn Thị Lại Giang  |         |
| 211. | 13     | Đặng Bá Ngoạn         |         |
| 212. | 13     | Trịnh Thị Thương      |         |
| 213. | 13     | Bùi Thị Mộng Tiền     |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|---------|
| 214. | 13     | Nguyễn Phương Thúy    |         |
| 215. | 14     | Đặng Ánh Hồng         |         |
| 216. | 14     | Nguyễn Minh Triết     |         |
| 217. | 14     | Đồng Sĩ Linh          |         |
| 218. | 14     | Mai Tuấn Khôi         |         |
| 219. | 15     | Nguyễn Phan Mai Khoa  |         |
| 220. | 15     | Nguyễn Đăng Nam       |         |
| 221. | 15     | Nguyễn Văn Nguyên     |         |
| 222. | 15     | Vũ Văn Phong          |         |
| 223. | 15     | Bùi Tấn Phúc          |         |
| 224. | 15     | Hoàng An Quốc         |         |
| 225. | 15     | Phan Thị Thu Thủy     |         |
| 226. | 15     | Phùng Phương Thu Thủy |         |
| 227. | 15     | Phạm Huy Tuân         |         |
| 228. | 16     | Trương Vĩnh An        |         |
| 229. | 16     | Bành Đức Dũng         |         |
| 230. | 16     | Lê Sơn Hải            |         |
| 231. | 16     | Nguyễn Thị Hằng       |         |
| 232. | 16     | Phạm Văn Hiến         |         |
| 233. | 16     | Lưu Việt Hùng         |         |
| 234. | 16     | Nguyễn Quang Huy      |         |
| 235. | 16     | Nguyễn Hồng Nhung     |         |
| 236. | 16     | Hoàng Thị Minh Thảo   |         |
| 237. | 16     | Nguyễn Văn Toàn       |         |
| 238. | 16     | Huỳnh Hoàng Trung     |         |
| 239. | 18     | Nguyễn Minh Đạo       |         |
| 240. | 18     | Trần Quang Khải       |         |

| TT   | Chi bộ | Họ và tên            | Ghi chú |
|------|--------|----------------------|---------|
| 241. | 18     | Bùi Mạnh Quân        |         |
| 242. | 18     | Nguyễn Xuân Sâm      |         |
| 243. | 18     | Mai Anh Thơ          |         |
| 244. | 18     | Phan Thị Huyền Trang |         |
| 245. | 18     | Nguyễn Thanh Tuấn    |         |
| 246. | 18     | Nguyễn Thị Thanh Vân |         |
| 247. | 18     | Lê Văn Vinh          |         |
| 248. | 20     | Nguyễn Thị Lan Anh   |         |
| 249. | 20     | Vương Quốc Duy       |         |
| 250. | 20     | Võ Thị Xuân Hạnh     |         |
| 251. | 20     | Phan Thị Thanh Hiền  |         |
| 252. | 20     | Nguyễn Thị Thu Hồng  |         |
| 253. | 20     | Lê Thị Mai Hương     |         |
| 254. | 20     | Nguyễn Thị Châu Long |         |
| 255. | 20     | Nguyễn Phan Như Ngọc |         |
| 256. | 20     | Nguyễn Thúy Phương   |         |
| 257. | 20     | Lê Thị Tuyết Thanh   |         |
| 258. | 20     | Mai Văn Thành        |         |
| 259. | 20     | Trần Đăng Thịnh      |         |
| 260. | 20     | Phạm Xuân Thu        |         |
| 261. | 20     | Đàng Quang Vắng      |         |
| 262. | 20     | Nguyễn Thị Thanh Vân |         |
| 263. | 20     | Hồ Thị Hồng Xuyên    |         |
| 264. | 23     | Tạ Văn Phương        |         |
| 265. | 23     | Nguyễn Đăng Quang    |         |
| 266. | 23     | Nguyễn Thới          |         |
| 267. | 23     | Nguyễn Thị Hoài Thu  |         |



| TT   | Chi bộ | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|--------|-----------------------|---------|
| 268. | 23     | Dương Tuấn Tùng       |         |
| 269. | 23     | Phạm Bạch Dương       |         |
| 270. | 23     | Trương Đình Nhơn      |         |
| 271. | 24     | Nguyễn Tuấn Anh       |         |
| 272. | 24     | Nguyễn Thị Thanh Bạch |         |
| 273. | 24     | Trần Thanh Huy        |         |
| 274. | 24     | Phạm Thị Hưng         |         |
| 275. | 24     | Nguyễn Thị Thanh Nhân |         |
| 276. | 24     | Tạ Vũ Thục Oanh       |         |
| 277. | 24     | Nguyễn Thị Thúy       |         |
| 278. | 24     | Võ Nguyên Thư         |         |
| 279. | 24     | Mai Quỳnh Trang       |         |
| 280. | 26     | Phạm Thị Ngọc Anh     |         |
| 281. | 26     | Trần Trọng Bình       |         |
| 282. | 26     | Bùi Thị Lan           |         |
| 283. | 26     | Vũ Trọng Luật         |         |
| 284. | 26     | Võ Thị Phượng         |         |
| 285. | 26     | Trần Thị Thanh Thủy   |         |
| 286. | 26     | Nguyễn Văn Thủy       |         |
| 287. | 26     | Nguyễn Cao Toàn       |         |
| 288. | 27     | Đỗ Văn Dương          |         |
| 289. | 27     | Lê Minh Hoàng         |         |
| 290. | 27     | Phạm Quốc Huy         |         |
| 291. | 27     | Nguyễn Thị Mai Ly     |         |
| 292. | 27     | Phan Nguyễn Quý Tâm   |         |
| 293. | 27     | Từ Thị Thanh Thủy     |         |
| 294. | 27     | Nguyễn Văn Long Giang |         |



| TT   | Chi bộ      | Họ và tên           | Ghi chú |
|------|-------------|---------------------|---------|
| 295. | 28          | Nguyễn Thị Thủy     |         |
| 296. | 28          | Huỳnh Hạnh Dung     |         |
| 297. | 28          | Đặng Thị Loan       |         |
| 298. | 28          | Trần Hoàng Linh     |         |
| 299. | 28          | Lê Khai Minh Trí    |         |
| 300. | 28          | Lê Phương Anh       |         |
| 301. | 29          | Đỗ Thị Hiếu         |         |
| 302. | 29          | Mai Văn Dũng        |         |
| 303. | 29          | Phạm Thị Diệu Phước |         |
| 304. | 29          | Cao Thị Hoài        |         |
| 305. | 29          | Bạch Văn Nhiều      |         |
| 306. | 29          | Đỗ Thị Phương Quỳnh |         |
| 307. | 29          | Lâm Châu Vương Vũ   |         |
| 308. | 29          | Đỗ Thị Thu Phương   |         |
| 309. | 29          | Nguyễn Thanh Giang  |         |
| 310. | 32          | Trần Quang Sang     |         |
| 311. | 32          | Nguyễn Thanh Tân    |         |
| 312. | 32          | Nguyễn Hà           |         |
| 313. | 32          | Lưu Hải Nam         |         |
| 314. | 32          | Nguyễn Quốc Khánh   |         |
| 315. | 32          | Huỳnh Nguyên Chính  |         |
| 316. | 32          | Nguyễn Đức Vượng    |         |
| 317. | Sinh viên 1 | Đào Hồng Anh        |         |
| 318. | Sinh viên 1 | Trần Tấn Ban        |         |
| 319. | Sinh viên 1 | Nguyễn Đình Dũng    |         |
| 320. | Sinh viên 1 | Võ Thị Tâm Đan      |         |
| 321. | Sinh viên 1 | Huỳnh Trung Hậu     |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên            | Ghi chú |
|------|-------------|----------------------|---------|
| 322. | Sinh viên 1 | Phạm Ngọc Hiếu       |         |
| 323. | Sinh viên 1 | Lê Văn Hiếu          |         |
| 324. | Sinh viên 1 | Phạm Quốc Khánh      |         |
| 325. | Sinh viên 1 | Hồ Ngọc Kim          |         |
| 326. | Sinh viên 1 | Vi Hoàng Trung Kỳ    |         |
| 327. | Sinh viên 1 | Huỳnh Sang Lành      |         |
| 328. | Sinh viên 1 | Đặng Đình Lệ         |         |
| 329. | Sinh viên 1 | Nguyễn Thị Thùy Linh |         |
| 330. | Sinh viên 1 | Nguyễn Quốc Lộc      |         |
| 331. | Sinh viên 1 | Võ Nhật Minh         |         |
| 332. | Sinh viên 1 | Trần Minh Nhi        |         |
| 333. | Sinh viên 1 | Nguyễn Hữu Phong     |         |
| 334. | Sinh viên 1 | Võ Hồng Phúc         |         |
| 335. | Sinh viên 1 | Trần Minh Quang      |         |
| 336. | Sinh viên 1 | Nguyễn Dương Quyền   |         |
| 337. | Sinh viên 1 | Đào Ngọc Sang        |         |
| 338. | Sinh viên 1 | Đặng Hoàng Sinh      |         |
| 339. | Sinh viên 1 | Nguyễn Thanh Tân     |         |
| 340. | Sinh viên 1 | Nguyễn Phi Thắng     |         |
| 341. | Sinh viên 1 | Trần Minh Thiên      |         |
| 342. | Sinh viên 1 | Đặng Thị Hoài Thương |         |
| 343. | Sinh viên 1 | Bùi Hoàng Trưởng     |         |
| 344. | Sinh viên 1 | Nguyễn Công Tuấn     |         |
| 345. | Sinh viên 1 | Lê Văn Tuấn          |         |
| 346. | Sinh viên 2 | Nguyễn Hoàng Mỹ An   |         |
| 347. | Sinh viên 2 | Nguyễn Ngô Mỹ Anh    |         |
| 348. | Sinh viên 2 | Phạm Thị Bình        |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên              | Ghi chú |
|------|-------------|------------------------|---------|
| 349. | Sinh viên 2 | Nguyễn Thị Bảo Châu    |         |
| 350. | Sinh viên 2 | Lê Thành Đạt           |         |
| 351. | Sinh viên 2 | Võ Thị Thanh Hằng      |         |
| 352. | Sinh viên 2 | Trần Thị Vân Ly        |         |
| 353. | Sinh viên 2 | Lê Thị Mẫn             |         |
| 354. | Sinh viên 2 | Lê Thị Mây             |         |
| 355. | Sinh viên 2 | Hồ Thành Nguyên        |         |
| 356. | Sinh viên 2 | Nguyễn Công Nguyên     |         |
| 357. | Sinh viên 2 | Trần Thị Trúc Nguyên   |         |
| 358. | Sinh viên 2 | Dương Phan Đình Nhân   |         |
| 359. | Sinh viên 2 | Nguyễn Lê Hiếu Nhân    |         |
| 360. | Sinh viên 2 | Nguyễn Văn Nhật        |         |
| 361. | Sinh viên 2 | Trần Ngọc Như Quỳnh    |         |
| 362. | Sinh viên 2 | Trần Hiếu Tâm          |         |
| 363. | Sinh viên 2 | Ngô Thị Kim Thanh      |         |
| 364. | Sinh viên 2 | Nguyễn Thị Thảo        |         |
| 365. | Sinh viên 2 | Nguyễn Hoàng Thùy Tiên |         |
| 366. | Sinh viên 2 | Phan Ngọc Thuỷ Tiên    |         |
| 367. | Sinh viên 2 | Phan Phụng Kiều Tiên   |         |
| 368. | Sinh viên 2 | Nguyễn Văn Tiến        |         |
| 369. | Sinh viên 2 | Trần Minh Tiến         |         |
| 370. | Sinh viên 2 | Nguyễn Hà Trang        |         |
| 371. | Sinh viên 2 | Trần Thị Ngọc Trâm     |         |
| 372. | Sinh viên 2 | Nguyễn Ngọc Quế Trân   |         |
| 373. | Sinh viên 2 | Nguyễn Anh Tuấn        |         |
| 374. | Sinh viên 2 | Lê Thị Thúy Uyển       |         |
| 375. | Sinh viên 2 | Đinh Thị Phương Yến    |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------------|---------|
| 376. | Sinh viên 3 | Lê Công Tuấn Anh      |         |
| 377. | Sinh viên 3 | Nguyễn Nhật Anh       |         |
| 378. | Sinh viên 3 | Nguyễn Văn Ban        |         |
| 379. | Sinh viên 3 | Võ Hoài Bảo           |         |
| 380. | Sinh viên 3 | Võ Trần Chương        |         |
| 381. | Sinh viên 3 | Châu Đại Dương        |         |
| 382. | Sinh viên 3 | Trần Lê Dương         |         |
| 383. | Sinh viên 3 | Trần Lê Anh Hào       |         |
| 384. | Sinh viên 3 | Trần Quốc Hậu         |         |
| 385. | Sinh viên 3 | Nguyễn Văn Hiến       |         |
| 386. | Sinh viên 3 | Đỗ Xuân Hòa           |         |
| 387. | Sinh viên 3 | Nguyễn Huy Hoàng      |         |
| 388. | Sinh viên 3 | Nguyễn Tấn Hưng       |         |
| 389. | Sinh viên 3 | Bùi Hoàng Quang Khải  |         |
| 390. | Sinh viên 3 | Phạm Nguyễn Gia Khiêm |         |
| 391. | Sinh viên 3 | Nguyễn Thanh Lâm      |         |
| 392. | Sinh viên 3 | Trần Trung Nam        |         |
| 393. | Sinh viên 3 | Vương Trọng Nghĩa     |         |
| 394. | Sinh viên 3 | Trần Trung Nghĩa      |         |
| 395. | Sinh viên 3 | Phạm Vương Hoàng Nhật |         |
| 396. | Sinh viên 3 | Châu Đặng Mỹ Nương    |         |
| 397. | Sinh viên 3 | Lê Đình Phong         |         |
| 398. | Sinh viên 3 | Huỳnh Văn Sang        |         |
| 399. | Sinh viên 3 | Lê Tiến Sĩ            |         |
| 400. | Sinh viên 3 | Nguyễn Phan Thanh     |         |
| 401. | Sinh viên 3 | Trương Xuân Thi       |         |
| 402. | Sinh viên 3 | Lý Đặng Minh Thiện    |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên               | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------------|---------|
| 403. | Sinh viên 3 | Huỳnh Phúc Thịnh        |         |
| 404. | Sinh viên 3 | Dương Minh Thông        |         |
| 405. | Sinh viên 3 | Nguyễn Anh Tiến         |         |
| 406. | Sinh viên 3 | Trương Quốc Tín         |         |
| 407. | Sinh viên 3 | Lê Giang Tĩnh           |         |
| 408. | Sinh viên 3 | Hồ Kiện Toàn            |         |
| 409. | Sinh viên 3 | Lê Huỳnh Trung          |         |
| 410. | Sinh viên 4 | Nguyễn Bình An          |         |
| 411. | Sinh viên 4 | Đỗ Nguyên Chương        |         |
| 412. | Sinh viên 4 | Nguyễn Quỳnh Thanh Diệu |         |
| 413. | Sinh viên 4 | Nguyễn Trần Tuấn Đạt    |         |
| 414. | Sinh viên 4 | Phan Văn Đức            |         |
| 415. | Sinh viên 4 | Vương Văn Hậu           |         |
| 416. | Sinh viên 4 | Nguyễn Đức Hiễn         |         |
| 417. | Sinh viên 4 | Trần Thị Liên           |         |
| 418. | Sinh viên 4 | Phạm Thị Kim Ngân       |         |
| 419. | Sinh viên 4 | Đào Thị Như Ngọc        |         |
| 420. | Sinh viên 4 | Bùi Thanh Phương        |         |
| 421. | Sinh viên 4 | Nguyễn Duy Quang        |         |
| 422. | Sinh viên 4 | Huỳnh Ngọc Quốc         |         |
| 423. | Sinh viên 4 | Nguyễn Thị Hồng Thanh   |         |
| 424. | Sinh viên 4 | Đào Văn Thắng           |         |
| 425. | Sinh viên 4 | Đinh Bách Thông         |         |
| 426. | Sinh viên 4 | Lương Thị Ngọc Trâm     |         |
| 427. | Sinh viên 4 | Nguyễn Thành Trung      |         |
| 428. | Sinh viên 4 | Nguyễn Hữu Trung        |         |
| 429. | Sinh viên 4 | Nguyễn Như Tú           |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên              | Ghi chú |
|------|-------------|------------------------|---------|
| 430. | Sinh viên 4 | Nguyễn Tấn Yên         |         |
| 431. | Sinh viên 5 | Lê Phương Bình         |         |
| 432. | Sinh viên 5 | Nguyễn Danh Chính      |         |
| 433. | Sinh viên 5 | Lê Nguyễn Thanh Duy    |         |
| 434. | Sinh viên 5 | Trịnh Minh Giáp        |         |
| 435. | Sinh viên 5 | Võ Thị Hạnh            |         |
| 436. | Sinh viên 5 | Đoàn Trung Hậu         |         |
| 437. | Sinh viên 5 | Lê Quý Hiệp            |         |
| 438. | Sinh viên 5 | Cao Ngọc Hiếu          |         |
| 439. | Sinh viên 5 | Lê Trọng Hiếu          |         |
| 440. | Sinh viên 5 | Phạm Thanh Hoài        |         |
| 441. | Sinh viên 5 | Huỳnh Nguyễn Thuý Hồng |         |
| 442. | Sinh viên 5 | Nguyễn Khắc Huy        |         |
| 443. | Sinh viên 5 | Nguyễn Triều Khang     |         |
| 444. | Sinh viên 5 | Trần Vũ Duy Khang      |         |
| 445. | Sinh viên 5 | Cao Thị Hồng Liên      |         |
| 446. | Sinh viên 5 | Nguyễn Chí Linh        |         |
| 447. | Sinh viên 5 | Đoàn Bá Linh           |         |
| 448. | Sinh viên 5 | Viên Tấn Lực           |         |
| 449. | Sinh viên 5 | Vũ Thành Nam           |         |
| 450. | Sinh viên 5 | Đặng Gia Nguyễn        |         |
| 451. | Sinh viên 5 | Lê Nguyễn Tấn Phát     |         |
| 452. | Sinh viên 5 | Nguyễn Thành Phát      |         |
| 453. | Sinh viên 5 | Lê Nhựt Quang          |         |
| 454. | Sinh viên 5 | Phan Long Quý          |         |
| 455. | Sinh viên 5 | Phan Thanh Quyên       |         |
| 456. | Sinh viên 5 | Nguyễn Hữu Tâm         |         |

NVZ  
 ỦY  
 BAN  
 YTH  
 IMU  
 NGT

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên               | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------------|---------|
| 457. | Sinh viên 5 | Đặng Việt Tân           |         |
| 458. | Sinh viên 5 | Nguyễn Ngọc Thạch       |         |
| 459. | Sinh viên 5 | Hồ Văn Thắng            |         |
| 460. | Sinh viên 5 | Lê Quốc Thông           |         |
| 461. | Sinh viên 5 | Kiều Thanh Trà          |         |
| 462. | Sinh viên 5 | Huỳnh Thị Tuyết Trâm    |         |
| 463. | Sinh viên 5 | Đặng Thị Kim Trinh      |         |
| 464. | Sinh viên 5 | Mai Trọng Tuân          |         |
| 465. | Sinh viên 5 | Phùng Phạm Duy Tuân     |         |
| 466. | Sinh viên 5 | Đoàn Anh Tuấn           |         |
| 467. | Sinh viên 5 | Nguyễn Thành Tuyên      |         |
| 468. | Sinh viên 6 | Nguyễn Khánh Duy        |         |
| 469. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Phương Duyên |         |
| 470. | Sinh viên 6 | Phạm Nguyễn Huyền Duyên |         |
| 471. | Sinh viên 6 | Nguyễn Kiều Khánh Giang |         |
| 472. | Sinh viên 6 | Bùi Thị Thúy Hằng       |         |
| 473. | Sinh viên 6 | Võ Ngọc Hân             |         |
| 474. | Sinh viên 6 | Lê Thị Huệ              |         |
| 475. | Sinh viên 6 | Trần Thị Huyền          |         |
| 476. | Sinh viên 6 | Lê Quốc Khải            |         |
| 477. | Sinh viên 6 | Trần Tiểu Long          |         |
| 478. | Sinh viên 6 | Nguyễn Công Minh        |         |
| 479. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Thúy Ngân    |         |
| 480. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Kim Ngọc     |         |
| 481. | Sinh viên 6 | Nguyễn Lê Xuân Nguyên   |         |
| 482. | Sinh viên 6 | Lý Tuấn Nhân            |         |
| 483. | Sinh viên 6 | Tôn Nữ Diệu Như         |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên             | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------------|---------|
| 484. | Sinh viên 6 | Trịnh Hoàng Phí       |         |
| 485. | Sinh viên 6 | Lê Nguyễn Như Quỳnh   |         |
| 486. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Võ Thảo    |         |
| 487. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Kim Thoa   |         |
| 488. | Sinh viên 6 | Lâm Thanh Thủy        |         |
| 489. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Anh Thư    |         |
| 490. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Minh Thư   |         |
| 491. | Sinh viên 6 | Thái Thị Thanh Thương |         |
| 492. | Sinh viên 6 | Đặng Thị Thùy Trang   |         |
| 493. | Sinh viên 6 | Võ Thị Thuỳ Trang     |         |
| 494. | Sinh viên 6 | Đào Huyền Trang       |         |
| 495. | Sinh viên 6 | Nguyễn Ngọc Trâm      |         |
| 496. | Sinh viên 6 | Huỳnh Thị Huyền Trân  |         |
| 497. | Sinh viên 6 | Trần Thị Thanh Trân   |         |
| 498. | Sinh viên 6 | Võ Thanh Trúc         |         |
| 499. | Sinh viên 6 | Nguyễn Hương Tuyền    |         |
| 500. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Lê Vi      |         |
| 501. | Sinh viên 6 | Nguyễn Hoàn Vũ        |         |
| 502. | Sinh viên 6 | Bùi Thị Bảo Yến       |         |
| 503. | Sinh viên 6 | Đào Thị Kim Yến       |         |
| 504. | Sinh viên 7 | Hà Thị Ngọc Anh       |         |
| 505. | Sinh viên 7 | Phạm Văn Khoa         |         |
| 506. | Sinh viên 7 | Lê Cao Thái           |         |
| 507. | Sinh viên 7 | Dương Thanh Tú        |         |
| 508. | Sinh viên 7 | Trần Tú Anh           |         |
| 509. | Sinh viên 7 | Lê Nguyên             |         |
| 510. | Sinh viên 7 | Nguyễn Thành Triệu    |         |

| TT   | Chi bộ      | Họ và tên               | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------------|---------|
| 511. | Sinh viên 7 | Lê Trần Xuân Sơn        |         |
| 512. | Sinh viên 7 | Nguyễn Vũ Hòa           |         |
| 513. | Sinh viên 7 | Nguyễn Trọng Tài        |         |
| 514. | Sinh viên 7 | Nguyễn Thị Hòa          |         |
| 515. | Sinh viên 7 | Nguyễn Trần Bảo Uyên    |         |
| 516. | Sinh viên 7 | Trương Nguyễn Gia Quyền |         |
| 517. | Sinh viên 7 | Hà Trần Thanh Hậu       |         |
| 518. | Sinh viên 7 | Võ Hoàng Ngọc Quý       |         |
| 519. | Sinh viên 7 | Lê Thu Hà               |         |
| 520. | Sinh viên 7 | Nguyễn Gia Minh         |         |
| 521. | Sinh viên 7 | Nguyễn Diệu Linh        |         |
| 522. | Sinh viên 7 | Phạm Minh Thư           |         |
| 523. | Sinh viên 7 | Trần Bích Khuê          |         |
| 524. | Sinh viên 7 | Lê Thị Hoài Thanh       |         |
| 525. | Sinh viên 7 | Lê Hồng Linh            |         |

*Danh sách gồm 525 đảng viên./.*

**DANH SÁCH****Đảng viên đạt mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” năm 2024***(Kèm theo quyết định số 275 -QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)*

-----

| <b>TT</b> | <b>Chi bộ</b> | <b>Họ và tên</b>      | <b>Ghi chú</b>                              |
|-----------|---------------|-----------------------|---------------------------------------------|
| 1.        | 01            | Quách Thanh Hải       | Chi bộ HTTNV                                |
| 2.        | 13            | Phạm Hữu Thái         | KQ đánh giá, xếp loại VC 2024 xếp loại HTNV |
| 3.        | Sinh viên 1   | Vũ Công Huy           |                                             |
| 4.        | Sinh viên 1   | Vũ Phạm Anh Khoa      |                                             |
| 5.        | Sinh viên 1   | Nguyễn Văn Phước      |                                             |
| 6.        | Sinh viên 2   | Nguyễn Cao Huy Chương |                                             |
| 7.        | Sinh viên 2   | Lê Hân Hân            |                                             |
| 8.        | Sinh viên 2   | Nguyễn Thanh Kim Hoa  |                                             |
| 9.        | Sinh viên 2   | Huỳnh Quốc Quân       |                                             |
| 10.       | Sinh viên 2   | Bùi Đặng Thảo Vy      |                                             |
| 11.       | Sinh viên 3   | Hồ Đức Anh            |                                             |
| 12.       | Sinh viên 3   | Huỳnh Tấn Dũng        |                                             |
| 13.       | Sinh viên 3   | Phạm Huy Hoàng        |                                             |
| 14.       | Sinh viên 3   | Trần Hạo Khiêm        |                                             |
| 15.       | Sinh viên 3   | Hoàng Văn Niên        |                                             |
| 16.       | Sinh viên 3   | Đinh Trọng Phước      |                                             |
| 17.       | Sinh viên 3   | Mai Văn Thiện         |                                             |
| 18.       | Sinh viên 3   | Trần Phan Thanh Tùng  |                                             |
| 19.       | Sinh viên 3   | Nguyễn Sỹ Văn         |                                             |
| 20.       | Sinh viên 3   | Hồ Nguyễn Minh Vĩ     |                                             |
| 21.       | Sinh viên 4   | Đặng Thị Ái Ngọc      |                                             |
| 22.       | Sinh viên 5   | Nguyễn Sơn Hà         |                                             |
| 23.       | Sinh viên 5   | Nguyễn Quốc Huy       |                                             |

| TT  | Chi bộ      | Họ và tên              | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|---------|
| 24. | Sinh viên 5 | Bùi Nguyễn Trọng Nghĩa |         |
| 25. | Sinh viên 5 | Nguyễn Thái Phi        |         |
| 26. | Sinh viên 5 | Kiên Văn Chí Thanh     |         |
| 27. | Sinh viên 5 | Lê Ngọc Thiện          |         |
| 28. | Sinh viên 5 | Lưu Phước Toàn         |         |
| 29. | Sinh viên 6 | Nguyễn Thị Thùy Dương  |         |
| 30. | Sinh viên 6 | Ngô Gia Hân            |         |
| 31. | Sinh viên 6 | Hà Hương Trà           |         |

*Danh sách gồm 31 đảng viên./.*



**DANH SÁCH****Đảng viên đạt mức xếp loại chất lượng****“Không hoàn thành nhiệm vụ” năm 2024***(Kèm theo quyết định số 275 -QĐ/ĐU ngày 09 tháng 01 năm 2025)*

-----

| TT | Chi bộ | Họ và tên           | Ghi chú                                              |
|----|--------|---------------------|------------------------------------------------------|
| 1. | 01     | Nguyễn Thị Như Ngọc | Khiển trách do vi phạm quy định về chính sách dân số |
| 2. | 01     | Đào Thị Phương      | Khiển trách do vi phạm quy định về chính sách dân số |

*Danh sách gồm 02 đảng viên./.*